

Số: ~~2214~~/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày ~~24~~ tháng ~~10~~ năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và UBND cấp xã tỉnh Yên Bái

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 69/TTr-STP ngày 27 tháng 9 năm 2018,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Yên Bái (có danh mục cụ thể kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh: Nguyễn Chiến Thắng;
- Phó Chánh VPUBND tỉnh (NC);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng



DANH MỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC TẠ ĐỒI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HÒA GIẢI CƠ SỞ  
TRƯỚC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TỈNH YÊN BÁI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 14 tháng 09 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn UBND cấp xã xem xét, đề nghị UBND cấp huyện giải quyết hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Thời hạn Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định hỗ trợ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Thời hạn UBND cấp xã chi tiền hỗ trợ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định của UBND cấp huyện.</li> </ul>	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hòa giải ở cơ sở ngày 20/6/2013;</li> <li>- Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.</li> </ul>



### DANH MỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HÒA GIẢI CƠ SỞ  
LIÊN TỊCH QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ TỈNH YÊN BÁI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 24 tháng 1 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận hòa giải viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hòa giải ở cơ sở ngày 20/6/2013;</li> <li>- Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CPUBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.</li> </ul>
2	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	<p>Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức cuộc họp bầu tổ trưởng tổ hòa giải, Trưởng ban công tác Mặt trận làm văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải kèm theo biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết về việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hòa giải ở cơ sở ngày 20/6/2013;</li> <li>- Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CPUBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.</li> </ul>



		<p>bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định</p>			
3	Thôi làm hòa giải viên	<p>05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Hòa giải ở cơ sở ngày 20 tháng 6 năm 2013;</li><li>- Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CPUBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.</li></ul>
4	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định và trả thù lao cho hòa giải viên thông qua tổ hòa giải; trường hợp quyết định không thanh toán cho hòa giải viên thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li><li>- Tổ hòa giải trả thù lao cho hòa giải viên theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được thù lao.</li></ul>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Hòa giải ở cơ sở ngày 20/6/2013;</li><li>- Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.</li></ul>